

**DANH MỤC DỤNG CỤ , MÁY MÓC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CÔNG
BỘ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(Kèm theo công bố số: 864 /CBNL- SCIT ngày 25 /03 /2026 của Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Kỹ Thuật Và Kiểm Định Xây Dựng Sài Gòn)

STT	Tên máy móc, thiết bị		Thông tin thiết bị kiểm định/ hiệu chuẩn			
	Tên thiết bị / loại	Model/ Số serial	Kiểm định/ hoặc hiệu chuẩn	Số tem KD/HC	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi đặt thiết bị
	THỬ NGHIỆM XI MĂNG					
1	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm					VP PTN TT
2	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm					VP PTN TT
3	Bàn Giăng vữa quay tay					VP PTN TT
4	Khuôn đúc vữa, xi măng 40x40x160 mm					VP PTN TT
5	Bình xác định tỷ trọng xi măng 250ml					VP PTN TT
6	Bộ thí nghiệm Vicka - TQ					VP PTN TT
7	Máy trộn vữa JJ-5	JJ-5 240560				Trạm HT - Cam Ranh
8	Bàn Giăng vữa quay tay					Trạm HT - Cam Ranh
9	Bộ gá uốn & nén mẫu xi măng 40x40x160mm					Trạm HT - Cam Ranh
17	Khuôn đúc vữa, xi măng nhựa 40x40x160 mm					Trạm HT - Cam Ranh

21	Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết của xi măng					Trạm HT - Cam Ranh
22	Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định độ ổn định thể tích Khuôn le chartelier					Trạm HT - Cam Ranh
13	Bàn Giăng vữa quay tay					Trạm HT - DA Cần Giờ
14	Máy trộn vữa JJ-5 1907120	JJ-5 241138				Trạm HT - DA Cần Giờ
15	Bàn Giăng vữa quay tay					Trạm HT - DA Cần Giờ
16	Bộ gá uốn & nén mẫu xi măng 40x40x160mm					Trạm HT - DA Cần Giờ
17	Khuôn đúc vữa, xi măng thép 40x40x160 mm					Trạm HT - DA Cần Giờ
18	Máy trộn vữa NJ	NJ - 160 - 2025060902				Trạm HT - Cần Giuộc
19	Bàn Giăng vữa quay tay					Trạm HT - Cần Giuộc
20	Bộ gá uốn & nén mẫu xi măng 40x40x160mm					Trạm HT - Cần Giuộc
27	Khuôn đúc vữa, xi măng nhựa 40x40x160 mm					Trạm HT - Cần Giuộc
27	Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết của xi măng					Trạm HT - Cần Giuộc
28	Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định độ ổn định thể tích Khuôn le chartelier					Trạm HT - Cần Giuộc
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG					
24	Máy nén bê tông 2000kN-TYA 038 SCM -8409	TYA 2000-038	Hiệu chuẩn Kiểm định	SCM -8409 HC DSG6949.26.001	03/05/2025 HC 20/03/2026	VP PTN TT

30	Máy thử thấm BTXM-HS 4 190316 (SG25 - 0285.7)	190316	Hiệu chuẩn	SG25 - 0285/7	26/12/2025	VP PTN TT
26	Máy thử thấm bê tông No: 2025081005 số : (Smc 0187/9)	2025081005	Hiệu chuẩn	SG25 - 0187/9 HC	05/09/2025	Trạm HT - DA Cần Giờ
27	Máy thử thấm bê tông No: 2025101334 Số (SG25 - Đ418/1)	2025101334	Hiệu chuẩn	SG25 - Đ418/1	25/11/2025	Trạm HT - DA Cần Giờ
28	Máy thử thấm bê tông No: 2025101335 Số (SG25- Đ418/2)	2025101335	Hiệu chuẩn	SG25- Đ418/2	25/11/2025	Trạm HT - DA Cần Giờ
29	Máy thử thấm bê tông No: 2025101337 Số (SG25 - Đ418/3)	2025101337	Hiệu chuẩn	SG25 - Đ418/3	25/11/2025	Trạm HT - DA Cần Giờ
30	Máy thử thấm bê tông No: 2025101340 Số(SG25 - Đ418/4)	2025101340	Hiệu chuẩn	SG25 - Đ418/4	25/11/2025	Trạm HT - DA Cần Giờ
31	Khuôn xác định độ co ngót bê tông 100x100x400mm					Trạm HT - DA Cần Giờ
32	Máy nén bê tông 2000kN-TYA - 2003	TYA 200-2003	Hiệu chuẩn	SG26 - 0051/3	17/03/2026	Trạm HT - Cần Giuộc
33	Máy nén bê tông 2000kN- 2507125A số : (SG26- 0041/1)	2507125A	Hiệu chuẩn Kiểm định	SG26- 0041/1 HC 00257 KĐ	10/03/2026 HC /03/2026 KĐ	Trạm HT - Cam Ranh
34	Máy thử thấm bê tông No: 2025081005 số : (Smc 0187/9)	2025081005	Hiệu chuẩn	SG25 - 0187/9 HC	05/09/2025	Trạm HT - Cam Ranh
	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐẤT					
35	Máy thử độ mài mòn Los Angeles TA12 -25014 Số (SG25 - T129)	TA12 -25014	Hiệu chuẩn	SG25 - T129	26/05/2025	Trạm HT - DA Cần Giờ

36	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 50; 37,5; 25,0; 19,0; 9,5; 4,75; 2,360; 0,425; 0,075mm; (Sàn đá)					VP PTN TT
37	Phễu xác định KLTT xốp Đá					VP PTN TT
38	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,140mm; Đáy nắp.(Sàn cát)					VP PTN TT
39	Phễu xác định KLTT xốp Cát,Thùng đong 1lít					VP PTN TT
40	Bình khối lượng riêng 1000ml					VP PTN TT
41	Phễu xác định KLTT xốp Đá					VP PTN TT
42	Thùng đong 1lít					VP PTN TT
43	Thùng đong 5lít					VP PTN TT
44	Thùng đong 5lít					VP PTN TT
45	Khuôn nén đập xi lanh D150					VP PTN TT
46	Khuôn nén đập xi lanh D75					VP PTN TT
47	Cối + chày tiêu chuẩn					VP PTN TT
48	Cối + chày cải tiến					VP PTN TT
49	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 20,16,12,5.10,1,18,0,3; 0,6 0,15;(Sàn BT Nhựa)					Trạm HT - DA Cần Giờ
50	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 20;10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25; 0,1; 0,045mm; (Sàn đất)					Trạm HT - DA Cần Giờ
51	Bộ chia cốt liệu INCH + Kèm 2 khay hứng					Trạm HT - DA Cần Giờ
52	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 50; 37,5; 25,0; 19,0; 9,5; 4,75; 2,36; 0,425; 0,075mm; (Sàn đá)					Trạm HT - DA Cần Giờ

53	Khuôn nén đập xi lanh D150					Trạm HT - DA Cần Giờ
54	Khuôn nén đập xi lanh D75					Trạm HT - DA Cần Giờ
55	Phễu xác định KLTT xốp Đá, Thùng đong 5lít					Trạm HT - DA Cần Giờ
56	Bộ chia cốt liệu INCH + Kèm 2 khay hứng					Trạm HT - DA Cần Giờ
57	Cối + chày cải tiến					Trạm HT - DA Cần Giờ
58	Cối + chày tiêu chuẩn					Trạm HT - DA Cần Giờ
59	Bình khối lượng riêng 2000ml					Trạm HT - DA Cần Giờ
60	Bàn cân thuỷ tĩnh tiêu chuẩn + Rọ cân thuỷ tĩnh 200x200					Trạm HT - DA Cần Giờ
61	Thước kẹp thôỉ đẹp					Trạm HT - DA Cần Giờ
62	Khuôn CBR tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn VN, ASTM, mạ cầu vòng. Gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 10x0,01mm.					VP PTN TT
63	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 20;10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25; 0,1; 0,045mm; (Sàn đất)					VP PTN TT
64	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,140mm; (Sàn cát)					VP PTN TT
65	Phễu xác định KLTT xốp Cát					VP PTN TT

66	Thùng đựng 1lít					VP PTN TT
67	Bình khối lượng riêng 1000ml					VP PTN TT
68	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 50; 37,5; 25,0; 19,0; 9,5; 4,75; 2,360; 0,425; 0,075mm; (Sàn đá)					VP PTN TT
69	Phễu xác định KLTT xốp Đá					VP PTN TT
70	Thùng đựng 5lít					VP PTN TT
71	Khuôn nén đập xi lanh D150					VP PTN TT
72	Khuôn nén đập xi lanh D75					VP PTN TT
73	Bình khối lượng riêng 2000ml					VP PTN TT
74	Bộ chia cốt liệu INCH + Kèm 2 khay hứng					VP PTN TT
75	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 20,16,12,5.10,1,18,0,3; 0,6 0,15;(Sàn BT Nhựa)					Trạm HT - Cần Giuộc
76	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 20;10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25; 0,1; 0,045mm; (Sàn đất)					Trạm HT - Cần Giuộc
77	Bộ chia cốt liệu INCH + Kèm 2 khay hứng					Trạm HT - Cần Giuộc
78	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 50; 37,5; 25,0; 19,0; 9,5; 4,75; 2,36; 0,425; 0,075mm; (Sàn đá)					Trạm HT - Cần Giuộc
79	Khuôn nén đập xi lanh D150					Trạm HT - Cần Giuộc
80	Khuôn nén đập xi lanh D75					Trạm HT - Cần Giuộc
81	Phễu xác định KLTT xốp Đá,Thùng đựng 5lít					Trạm HT - Cần Giuộc

82	Bộ chia cốt liệu INCH + Kèm 2 khay hứng					Trạm HT - Cần Giuộc
83	Cối + chày cải tiến					Trạm HT - Cần Giuộc
84	Cối + chày tiêu chuẩn					Trạm HT - Cần Giuộc
	VẬT LIỆU KIM LOẠI, HÀN					
85	Máy kéo thép 1000kN-WES 1000B -170608 + Bộ máy vi tính (SCM -8408)	WES 1000B - 170608	Hiệu chuẩn Kiểm định	SCM -8408 HC 00195 KĐ	03/05/2025 HC 22/03/26 KĐ	VP PTN TT
86	Máy kéo thép 1000kN - WES 1000G 201808 số : (SG26 - 0041.2)	WES 1000B 201808	Hiệu chuẩn Kiểm định	SG26 - 0041.2 HC 00258 KĐ	10/03/2026 HC 03/2026 KĐ	Trạm HT - Cam Ranh
87	Bộ thân chén kéo bulong (2 cái)					VP PTN TT
88	Bộ kéo buong 42,35,32,30,25,20,16,12 (Máy kéo thép)					VP PTN TT
89	Bộ gối uốn thép 190,180,170,160,150,140,135,125,120,110,90,80,70,65,56,50,40, (Máy kéo thép)					VP PTN TT
90	Bộ má kẹp máy kéo thép D 14-32, 32-45, 0-40 (Máy kéo thép)					VP PTN TT
91	Gối uốn thép					VP PTN TT
92	Dĩa nén					VP PTN TT
93	Bộ gối uốn thép 190,180,170,160,150,140,135,125,120,110,90,80,70,65,56,50,40, (Máy kéo thép)					Trạm HT - Cam Ranh
94	Bộ má kẹp máy kéo thép D 14-32, 32-45, 0-40 (Máy kéo thép)					Trạm HT - Cam Ranh
95	Gối uốn thép					Trạm HT - Cam Ranh
96	Dĩa nén					Trạm HT - Cam Ranh

97	Bộ kéo cáp					Trạm HT - Cam Ranh
98	Bộ cắt bulong					Trạm HT - Cam Ranh
99	Bộ thân chén kéo bulong (2 cái)					Trạm HT - Cam Ranh
100	Bộ kéo buong 42,35,32,30,25,20,16,12 (Máy kéo thép)					Trạm HT - Cam Ranh
	BÊ TÔNG NHỰA					
101	Bồn ổn nhiệt Marshall - Trung Quốc Model: HH- S4 Thang nhiệt độ từ nhiệt độ phòng đến 100oC số : (SG25 Đ351/1)	Model: HH- S4	Hiệu chuẩn	SG25 Đ351/1	05/09/2025	VP PTN TT
102	Máy Marshall LWD-1 TQ - 190301 số : (SG25 Đ351/4)	LWD-1 TQ - 190301	Hiệu chuẩn	SG25 Đ351/4	05/09/2025	VP PTN TT
103	Lò Nung - TQ Model: SX2, 4-10 Thông số chính: + Nhiệt độ max: 1000oC + Công suất: 4KW số : (SG25 Đ351/2)	SX2, 4-10	Hiệu chuẩn	SG25 Đ351/2	05/09/2025	VP PTN TT
104	Máy ly tâm tách nhựa - VN Khả năng: thể tích ly tâm 4 lít Tốc độ được điều khiển từ 0 - 3000V/phút bằng biến tần số : (SG25 Đ351/3)	VN	Hiệu chuẩn	SG25 Đ351/3	05/09/2025	VP PTN TT
105	Con đội Bộ thủy lực 30 tấn, Kèm đồng hồ áp 600kg/cm2: số : (T 379/14)	đồng hồ áp 600kg/cm2	Hiệu chuẩn	T 379/14	26/12/2025	VP PTN TT
106	Bộ sàng tiêu chuẩn D300mm: 25,0; 19,0; 12,5; 9,5; 4,75; 2,360; 1,18; 0,6;0,3: 0,075mm; (Sàn BTN)					VP PTN TT
107	Bộ chày Đầm Marshall bằng tay có đế đầm					VP PTN TT
108	Thân khuôn nhựa Marshall					VP PTN TT
109	Đáy khuôn và nắp khuôn BTN					VP PTN TT

110	Chén sứ nung 200ml, ĐK 80x62mm					VP PTN TT
111	Nhiệt kế điện tử TPT01					VP PTN TT
112	Máy bơm hút chân không FY-1C-N	FY-1C-N				VP PTN TT
	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, MÀNG VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT XÂY DỰNG					
113	Máy kéo vải địa (WDW 100KN) No: 20240810 (Số SG25 - 0101/3)	20240810	Hiệu chuẩn	SG25 - 0101/3	26/05/2025	Trạm HT - DA Cần Giờ
114	Máy vi tính theo máy					Trạm HT - DA Cần Giờ
115	Má kẹp mẫu dẹt: 0-7mm; 4-9mm (máy vải địa)					Trạm HT - DA Cần Giờ
116	Bộ thót nén tiêu chuẩn D120mm,Bộ gá ngàm kéo trên và dưới (máy vải địa)					Trạm HT - DA Cần Giờ
117	Bộ gá thí nghiệm cường độ kéo đứt và giãn dài cho mẫu 200mm theo tiêu chuẩn ASTM D 4632, TCVN 8871.					Trạm HT - DA Cần Giờ
118	Bộ gá thí nghiệm cường độ xuyên CBR theo tiêu chuẩn TCVN 8871					Trạm HT - DA Cần Giờ
119	Đồng hồ đo chiều dày vải địa HL 07974 Số (SG25 - 0101/4)	HL 07974	Hiệu chuẩn	SG25 - 0101/4	26/05/2025	Trạm HT - DA Cần Giờ
120	Xuyên thùng vải địa					VP PTN TT
121	Máy kéo vải địa (JCDW100B 100KN) No: 20250728 số : (SG25 0187/7)	20250728	Hiệu chuẩn	SG25 0187/7	05/09/2025	Trạm HT - Cam Ranh
122	Máy vi tính theo máy					Trạm HT - Cam Ranh
123	Má kẹp mẫu dẹt: 0-7mm; 4-9mm (máy vải địa)					Trạm HT - Cam Ranh
124	Bộ thót nén tiêu chuẩn D120mm,Bộ gá ngàm kéo trên và dưới (máy vải địa)					Trạm HT - Cam Ranh
125	Bộ gá thí nghiệm cường độ kéo đứt và giãn dài cho mẫu 200mm theo tiêu chuẩn ASTM D 4632, TCVN 8871.					Trạm HT - Cam Ranh

126	Bộ gá thí nghiệm cường độ xuyên CBR theo tiêu chuẩn TCVN 8871					Trạm HT - Cam Ranh
127	Máy kéo vải địa (WDW100B 100KN) No: 2025120427 số : (SG25 0051/2)	WDW100B - 2025120427	Hiệu chuẩn	SG25 0051/2	05/09/2025	Trạm HT - Cần Giuộc
128	Máy vi tính theo máy					Trạm HT - Cần Giuộc
129	Má kẹp mẫu dẹt: 0-7mm; 4-9mm (máy vải địa)					Trạm HT - Cần Giuộc
130	Bộ thót nén tiêu chuẩn D120mm,Bộ gá ngàm kéo trên và dưới (máy vải địa)					Trạm HT - Cần Giuộc
131	Bộ gá thí nghiệm cường độ kéo đứt và giãn dài cho mẫu 200mm theo tiêu chuẩn ASTM D 4632, TCVN 8871.					Trạm HT - Cần Giuộc
132	Bộ gá thí nghiệm cường độ xuyên CBR theo tiêu chuẩn TCVN 8871					Trạm HT - Cần Giuộc
	DUNG DỊCH BENTONITE POLYME					
133	Bộ dụng cụ bentonite	ZNS-2A 2588	Hiệu chuẩn	SCM - 11389	09/12/2025	Trạm HT - ĐA Cần Giờ
134	Thiết bị đo độ nhớt phễu					Trạm HT - ĐA Cần Giờ
135	Thiết bị đo hàm lượng nước mất và chiều dày áo sét					Trạm HT - ĐA Cần Giờ
136	Thiết bị đo khối lượng riêng					Trạm HT - ĐA Cần Giờ
137	Thiết bị đo hàm lượng cát					Trạm HT - ĐA Cần Giờ
	GẠCH ĐÁT SÉT NUNG					
138	Bộ gá uốn gạch					VP PTN TT
139	Bộ gá nén uốn mẫu gạch					VP PTN TT
140	Bộ gá uốn gạch					VP PTN TT
	SƠN TƯỜNG, SƠN BẢO VỆ KẾT CẤU THÉP, SƠN NHỮ TƯỜNG BITUM CHỐNG THẤM					

141	Máy rửa trôi màng sơn	QFS 250511				VP PTN TT
142	Độ va đập màng sơn					VP PTN TT
143	Dao kẻ ô màng sơn	BEVS 2202/4C				VP PTN TT
144	Dao gạt màng sơn					VP PTN TT
145	Máy rửa trôi màng sơn	QFS 2025120446				Trạm HT - Cam Ranh
146	Dao cắt ô màng sơn	QFH 2025120447				Trạm HT - Cam Ranh
147	Độ va đập màng sơn					Trạm HT - Cam Ranh
148	Thanh gạt màng sơn					Trạm HT - Cam Ranh
	BỘ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG					
149	Máy đo độ bám dính AT15905 Positest ATM 20 Mỹ Doly 20 (26 cái) Doly 50 (25 cái) (T 379/11)	AT15905	Hiệu chuẩn	T 379/11	26/12/2025	Trạm HT - Cam Ranh
159	Thiết bị thử độ bám dính vữa (mới) Model: BJZJ-6000C (SG25 - T379.15)	BJZJ-6000C - 2511099	Hiệu chuẩn	SG25 - T379.15	26/12/2025	VP PTN TT
151	Cân phân tích 210g (Model: 2505603) 0.0001g	2505603	Kiểm định	75/383/2026/CPT	14/03/2026	VP PTN TT
152	Cân điện tử 15kg 0.5g	25081006	Kiểm định	74/383/2026/CPT	14/03/2026	VP PTN TT
153	Cân điện tử 30kg 1g	25081131	Kiểm định	73/383/2026/CPT	14/03/2026	Trạm HT - ĐA Cần Giờ

154	Cân kỹ thuật 15kg - 20255823022 số : (SG25 0187/2)	20255823022	Hiệu chuẩn	GS25 0187/2	05/09/2025	Trạm HT - Cam Ranh
155	Cân điện tử 30kg - 58825040773 số : (SG25 0187/1)	58825040773	Hiệu chuẩn	SG25 0187/1	05/09/2025	Trạm HT - Cam Ranh
156	Cân điện tử 15kg - 0.5g - 080704111 Số (T - 379/13)	080704111	Hiệu chuẩn	T - 379/13	26/12/2025	Trạm HT - ĐA Cần Giờ
157	Cân điện tử 15kg - 0.5g 20255823028 Số (SCM - 10859)	20255823028	Hiệu chuẩn	SCM - 10859	05/11/2025	Trạm HT - ĐA Cần Giờ
158	Cân điện tử 15kg - 0.5g 20255823018 Số (SCM - 10860)	20255823018	Hiệu chuẩn	SCM - 10860	05/11/2025	Trạm HT - ĐA Cần Giờ
159	Cân điện tử 15kg - 0.5g 58825040772 Số (SCM - 10858)	58825040772	Hiệu chuẩn	SCM - 10858	05/11/2025	Trạm HT - ĐA Cần Giờ
160	Máy đo PH/ORP/Nhiệt độ PH8414 (SG T397.6)	PH8414	Hiệu chuẩn	SG T397/6	26/12/2025	Trạm HT - ĐA Cần Giờ
161	Kính hiển vi kỹ thuật số (soi đường hàn macro)					VP PTN TT
162	Thiết bị thử độ cứng SHORE A của cao su, (hiện thị điện tử)	Durometer 0,5HA	Hiệu chuẩn	SG25 - 1062	31/07/2025	VP PTN TT
163	Tủ sấy 300 độ JC-1013A số : (SCM - 0285/6)	20520746	Hiệu chuẩn	SCM - 0285/6	25/12/2025	VP PTN TT
164	Tủ sấy 300 độ HN10-1 -4272 số : (SG25 0187/8)	HN10-1 -4272	Hiệu chuẩn	SG25 0187/8	05/09/2025	Trạm HT - Cam Ranh
165	Tủ sấy 300 độ JC-1013A số : (SG26 0051/1)	JC-1013A - 20250753	Hiệu chuẩn	SG26 0051/1	17/03/2026	Trạm HT - Cần Giuộc
166	Tủ sấy 300 38P7 Số (SG25 - 0101/2)	38P7	Hiệu chuẩn	SG25 - 0101/2	26/05/2025	Trạm HT - ĐA Cần Giờ
167	Thước điện tử 150mm Số (SG25 - 0101/1)		Hiệu chuẩn	SG25 - 0101/1	26/12/2025	VP PTN TT
168	Thước điện tử 150mm số : (SG25 0187/6)		Hiệu chuẩn	SG25 0187/6	05/09/2025	Trạm HT - Cam Ranh

169	Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định độ lưu động của vữa					Trạm HT - Cam Ranh
170	Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định độ lưu động của vữa					VP PTN TT
171	Bộ dụng cụ tạo mẫu cao su chuẩn để tạo mẫu cao su cho phương pháp thử cường độ của cao su Tấm kích thước mẫu của dao 6x115					VP PTN TT
172	Khay đựng vật liệu loại lớn 500*500					VP PTN TT
173	Khay đựng vật liệu loại nhỏ 350*500					VP PTN TT
174	Bộ khay tròn D300					VP PTN TT
175	Bộ gối uốn máy kéo (Thạch Cao)					VP PTN TT
176	Bộ thử kháng nhỏ đỉnh (Thạch Cao)					VP PTN TT
177	Cốc nhôm					VP PTN TT
178	Khay đựng vật liệu loại nhỏ 350*500					VP PTN TT
179	Bộ gá kéo thí nghiệm tạo cầu vết nứt của vật liệu chống thấm 12x40x160					Trạm HT - Cam Ranh
180	Bộ gá kéo thí nghiệm tạo cầu vết nứt của vật liệu chống thấm 12x40x160					Trạm HT - DA Cần Giờ
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG					
181	Máy đo sơn MINITEST 4100-4901 Số: SCM-8411	4100-4901	Hiệu chuẩn	SCM-8411	03/05/2025	VP PTN TT
182	Máy đo bề dày kim loại - 45 MG-130271412 SCM -8542	45 MG- 130271412	Hiệu chuẩn	SCM -8542	03/05/2025	VP PTN TT
183	Máy siêu âm bê tông Matest (C369N/AI/0149) SCM -8410	(C369N/AI/014 9)	Hiệu chuẩn	SCM -8410	03/05/2025	VP PTN TT

184	Cle lực 70-350N.m - 631589 (SG25 T397.4)	631589	Hiệu chuẩn	SG25 T397.4	26/12/2025	VP PTN TT
185	Máy đo độ rộng vết nứt không dây Model: ZBL-F130 (SG25 - T379.1)	ZBL-F130	Hiệu chuẩn	SG25 - T379.1	26/12/2025	VP PTN TT
186	Súng bật nẩy-HT1607211 (SG25 - T379.3)	HT1607211	Hiệu chuẩn	SG25 - T379.3	26/12/2025	VP PTN TT
187	Máy MT MY2-1706162 SCM -1283	MY2-1706162	Hiệu chuẩn	SCM -1283	03/05/2025	VP PTN TT
188	Cle lực 300-1500N.m KING TONY - 34862-2FF-1906621136 (SG25 T397.5)	34862-2FF-1906621136	Hiệu chuẩn	SG25 T397.5	26/12/2025	VP PTN TT
189	Máy MT MP-A2L-MP-2341 (SG25 T397.7)	MP-A2L-MP-2341	Hiệu chuẩn	SG25 T397.7	26/12/2025	VP PTN TT
190	Máy siêu âm Epoch 600-150921611 (SG25 - T379.8)	150921611	Hiệu chuẩn	SG25 - T379.8	26/12/2025	VP PTN TT
191	Kích thủy lực (mới) + đồng hồ 700 Kg.cm2 + ồng hồ 250 Kg.cm2 (SG25 - T379.16)		Hiệu chuẩn	SG25 - T379.16	26/12/2025	VP PTN TT
192	Máy đo bề dày kim loại - 45 MG-130271412 SCM -8542	45 MG-130271412	Hiệu chuẩn	SCM -8542	03/05/2025	VP PTN TT
193	Máy siêu âm bê tông Matest (C369N/AI/0149) SCM -8410	(C369N/AI/0149)	Hiệu chuẩn	SCM -8410	03/05/2025	VP PTN TT
194	Bộ cần benkeman - BKB-5-1810045 + Tấm ép 33 cm SCM -8407	BKB-5-1810045	Hiệu chuẩn	SCM -8407	03/05/2025	VP PTN TT
195	Máy MT MY2-1706162 SCM -1283	MY2-1706162	Hiệu chuẩn	SCM -1283	03/05/2025	VP PTN TT
196	Thước đo bằng phẳng 3m					VP PTN TT
197	Thước kẹp cơ					VP PTN TT
198	Máy đo điện trở Kyoritsu	Model 4102	Hiệu chuẩn	SCM -1282	03/05/2025	VP PTN TT
199	Đầu vặn nhỏ Bulong M8; M10; M12; M14; M16(2); M18(2); M20; M22; M24(2); M27; M30; M32, 34,36,42					VP PTN TT

200	Bộ ngàm kẹp nhỏ thép D6; D10; D16; D22; D25; D28; D32; D20					VP PTN TT
201	Đầu chụp siết Bulong M12; M14; M16(2); M18(2); M20(2); M22; M24(2); M27; M30; M33					VP PTN TT
202	Bộ đầu dò 0;45;60;70 4MHz (máy UT)					VP PTN TT
203	Bộ đầu dò 0;45;60;70 AWS (máy UT)					VP PTN TT
204	Mẫu chuẩn V2 AWS (máy UT)					VP PTN TT
205	Thước kiểm tra chiều cao đường hàn					VP PTN TT
206	Đồng hồ so 0-30mm - 1.0132 (Số SG25-T379/10)	10.132	Hiệu chuẩn	SG25-T379/10	26/12/2025	VP PTN TT
207	Đồng hồ so 0-30mm - 1.0133 (Số SG25-T379/9)	10.133	Hiệu chuẩn	SG25-T379/9	26/12/2025	VP PTN TT
208	Bộ kích thủy lực 30 tấn nhỏ bulong, thép Kèm đồng hồ áp 250: số : SCM-10697		Hiệu chuẩn	SCM-10697	18/10/2025	VP PTN TT
209	Kèm 1 đồng hồ áp 700 số: SCM 8405 ; SCM - 8406		Hiệu chuẩn	SCM 8405 ; SCM - 8406	26/12/2025	VP PTN TT
210	Bộ kích thủy lực 15 tấn Kèm đồng hồ áp 100MPa: số : SCM-9485; SCM-9486	FCY - 150100	Hiệu chuẩn	số : SCM-9485; SCM-9486	15/07/2025	VP PTN TT
211	Bộ thử uốn cọc (chân đế từ, thước căn lá thép, thước đo chiều dài 30 mét)					VP PTN TT
212	Chân đế thử nhỏ bảm dính					VP PTN TT
213	Cuộn dây điện kèm giá đỡ					VP PTN TT
214	Bộ thử nhỏ bulông (M12, M14, M16, M20, M22) + chân đế thép, thanh ren					VP PTN TT

215	Bộ ngàm thử nhỏ thép D6, D10, D16, D20					VP PTN TT
216	Bộ phễu rót cát Bao gồm: Bình đựng bằng thép, búa , đục					Trạm HT - DA Cần Giờ
217	Bộ dao vòng tiêu chuẩn mới					Trạm HT - DA Cần Giờ
218	Bộ phễu rót cát Bao gồm: Bình đựng bằng thép, búa , đục					VP PTN TT
219	Bộ dao vòng lấy mẫu đất (theo tiêu chuẩn mới) Bao gồm: Gá dao vòng, lưỡi dao.					VP PTN TT
220	Bộ dao vòng lấy mẫu đất (theo tiêu chuẩn mới)					Trạm HT - DA Cần Giờ
221	Bộ phễu rót cát Bao gồm: Bình đựng bằng thép, búa , đục					Trạm HT - DA Cần Giờ
222	Bộ dao vòng lấy mẫu đất (theo tiêu chuẩn mới)					Trạm HT - Cần Giuộc
223	Bộ phễu rót cát Bao gồm: Bình đựng bằng thép, búa , đục					Trạm HT - Cần Giuộc
224	Bộ dao vòng lấy mẫu đất (theo tiêu chuẩn mới)					Trạm HT - Cam Ranh
225	Bộ phễu rót cát Bao gồm: Bình đựng bằng thép, búa , đục					Trạm HT - Cam Ranh
226	Máy khoan bê tông & bê tông nhựa					Trạm HT - Cam Ranh
227	Máy khoan bê tông & bê tông nhựa					VP PTN TT
228	Máy khoan bê tông & bê tông nhựa					Trạm HT - DA Cần Giờ
	HÓA CHẤT					
229	Zinc oxyt chai 500g - ZnO					VP PTN TT

230	Acid nitric chai 500ml - HNO_3					VP PTN TT
231	Trichloro ethylene - C_2HCL_3					VP PTN TT
232	Acid hydrofluoric chai 500ml - HF					VP PTN TT
233	Acetone chai 500ml - $(\text{CH}_3)_2\text{CO}$					VP PTN TT
234	Acid clohydric chai 500ml - HCL					VP PTN TT
235	Natrihydroxyt chai 500g - NaOH					VP PTN TT
236	Amoninitrat - NH_4NO_3					VP PTN TT
237	Axit photphoric chai 500ml - H_3PO_4					VP PTN TT
238	Amoni hydroxide chai 500ml - NH_4OH					VP PTN TT
239	Amoni chai 500ml - NH_3					VP PTN TT
240	Acid sulfuric chai 500ml - H_2SO_4					VP PTN TT
241	Acid acetic chai 500ml - CH_3COOH					VP PTN TT
242	Kali hydroxyt chai 500g - KOH					VP PTN TT
243	Bari Clorua chai 500g - BaCL_2					VP PTN TT
244	Natri fluoride chai 500g - NaF					VP PTN TT
245	Kẽm (Zinc) Zn hạt chai 500g - Zn					VP PTN TT
246	Natri Sunfat chai 500g - Na_2SO_4					VP PTN TT

247	Calci chloride .khan chai 500g - CaCl_2					VP PTN TT
248	Natri Clorua chai 500g - NaCl					VP PTN TT
249	Kali Clorua chai 500g - KCl					VP PTN TT
250	Natri bicarbonate chai 500g - NaHCO_3					VP PTN TT
251	Ethanol chai 500ml - $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$					VP PTN TT
252	Natricacbonat chai 500g - Na_2CO_3					VP PTN TT
253	Glyxerin chai 500ml - $\text{C}_3\text{H}_8\text{O}_3$					VP PTN TT

